TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG LÁT** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HS-ST
Ngày 27/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Ngô Thị T

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn H và Bà Hà Thị T .

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lâu Văn Chứ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*

Ông: Hà Văn C - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2018/TLST-HS ngày 05/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2018/QĐXXST-HS ngày 13/11/2018 đối với bị cáo:

Vi Văn H , Giới tính: Nam. Sinh ngày 24/10/1998 tại: xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Bản Lìn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 10/12. Con ông: Vi Văn P - sinh năm: 1973. Con bà: Lò Thị T - sinh năm: 1978. Bố, mẹ bị cáo làm nghề trồng trọt, cư trú tại: Bản Tén Tằn, xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vợ: Đinh Thị T - sinh năm 1997. Con: Vi Đức H - sinh năm 2016. Cả vợ và con bị cáo sinh sống bằng nghề trồng trọt và cư trú tại bản Lìn, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo sử dụng ma túy; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2018. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông: Hà Văn K , trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 09/8/2018, bị cáo điều khiển xe máy của mình mang biển kiểm soát 36K1 - 04376 đi từ bản Tén Tằn, xã Tén Tằn, huyện Mường Lát, tỉnh

Thanh Hóa đến thị trấn Mường Lát vào cửa hàng H - T ở khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát cầm cố chiếc xe máy lấy số tiền 3.600.000 (*ba triệu sáu trăm nghìn*) đồng. Bị cáo dùng số tiền đó chuộc giấy tờ xe bị cáo đã cầm cố trước đó hết 600.000 (*sáu trăm nghìn*) đồng rồi ăn trưa, ăn chiều. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, bị cáo đi nhờ xe máy của một người đàn ông không quen biết đang đi trên Quốc lộ 15C từ thị trấn Mường Lát theo hướng xã Pù Nhi đến khu vực cầu G9 thuộc địa phận bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát bị cáo đi bộ sang bản Khằm Nàng (Lào), vào nhà một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết, khoảng 26 tuổi hỏi mua Hồng phiến (*ma túy tổng hợp*). Bị cáo đưa số tiền 2.200.000 (*hai triệu hai trăm nghìn*) đồng cho người phụ nữ này bị cáo nhận được một gói nilon màu xanh bên trong chứa 197 (*một trăm chín mươi bảy*) viên Hồng phiến (*ma túy tổng hợp*) và hai viên Hồng không bỏ vào túi, bị cáo sử dụng hai viên ngay tại chỗ rồi ngủ qua đêm tại nhà người phụ nữ này. Đến khoảng 05 giờ 30 phút, ngày 10/8/2018 bị cáo đem toàn bộ số Hồng phiến (*ma túy tổng hợp*) mua được đi bộ về Việt Nam, đến khu vực cầu G9 thuộc địa phận bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng Pù Nhi kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy mua bên Lào. Ngoài ra tổ công tác còn thu giữ của bị cáo 500.000 (*năm trăm nghìn*) đồng loại tiền giấy polime do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

Tại bản Kết luận giám định số: 1696/MT-PC54 ngày 12 tháng 8 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Một trăm chín năm viên nén màu hồng, trên bề mặt các viên nén đều dập chữ "WY" của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng ***20,408g*** *(Hai mươi phẩy bốn không tám gam) loại: Methamphetamine.*

- Hai viên nén màu xanh, trên bề mặt các viên nén đều dập chữ "WY" của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng ***0,203g*** *(Không phẩy hai không ba gam) loại: Methamphetamine.*

Bản cáo trạng số 47/CT-VKS-ML ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm g khoản 2 điều 249 BLHS năm 2015.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề ghị HĐXX:

+ Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*

+ Về điều luật: Áp dụng: Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm g khoản 2 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo: Từ **06** (*Sáu*) năm **06** (Sáu) tháng đến **07** (*Bảy)* năm tù giam.

+ Hình phạt bổ sung: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, không có tính thực thi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS, tuyên tịch thu tiêu hủy số heroin là mẫu vật còn lại sau giám định;

+ Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử bị cáo hình phạt thấp nhất.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán và Thư ký trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng tình với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định bị cáo tàng trữ **20,611g** Methamphetamine, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân đã cấu thành tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ.

[3]. *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng là nguy hiểm cho bản thân bị cáo và toàn xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà Nước. Ma

tuý hiện nay đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội và là nguyên nhân phát sinh những loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu tránh nhiệm hình sự, biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố thực hiện.

- Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. *Về hình phạt:*

- Hình phạt chính: Bị cáo là người sử dụng ma túy, với tính chất nghiêm trọng của tội phạm về ma túy, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nghiện may túy, kinh tế khó khăn, không có tính thực thi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về vật chứng trong vụ án:*

- Số ma túy là mẫu vật còn lại sau trích mẫu giám định là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Một tờ tiền mệnh giá 500.000 (*năm trăm nghìn*) đồng, là tiền của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[6]. *Đánh giá về những vấn đề khác:*

Theo lời khai của bị cáo, người phụ nữ dân tộc Mông bán ma túy cho bị cáo nhưng không rõ, tên, tuổi, địa chỉ ở đâu, việc mua bán ma túy xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[7]. *Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị:* Bị cáo có tội nên phải nộp tiền án phí HSST và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật: Căn cứ điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm g khoản 2 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tội danh: Tuyên Vi Văn H phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về Hình phạt: Xử phạt bị cáo:

+ Hình phạt chính: **07** (*Bảy*) năm tù;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (10/8/2018)

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy:

Phong bì đựng toàn bộ số ma túy do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Vi Văn H , được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Nguyễn Trần Đ , Lê Minh T , Nguyễn Đình C và các hình dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa làm giáp lai;

Trả lại cho bị cáo: 500.000 (*Năm trăm nghìn*) đồng tiền Việt Nam;

Quy trữ số tiền 500.000 (*Năm trăm nghìn*) đồng tại chi cục THADS huyện Mường Lát để đảm bảo việc thi hành án.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định chuyển vật chứng số: 41/QĐ-VKS-ML ngày 05/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát; biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2018 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên: Bị cáo nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí HSST.

Về kháng cáo và kháng nghị: Căn cứ điều 331; điều 333 và điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H. Mường Lát
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị T